

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Bà Lai Thị Ngọc Mãi
– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K (địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh K) và điểm cầu thành phần tại tổ 5, khu phố 7, đường 37, phường U, thị xã Tn, tỉnh B; vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Kim N**, sinh năm 1992. HKTT: Tổ 12, ấp P, xã M, huyện H, tỉnh K. Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khu phố 7, đường 37, phường U, thị xã Tn, tỉnh B. Có mặt tại điểm cầu thành phần tại tổ 5, khu phố 7, đường 37, phường U, thị xã Tn, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Kim N trình bày:***

Do mai mối nhưng có thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Thành L sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã V, huyện A, tỉnh K. Sau khi cưới chị về nhà anh L sinh sống được khoảng 3-4 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh L hay bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2016 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Sau đó chị đi làm ở B. Chị và anh L đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị cảm thấy không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con quan hệ con chung: Có một con chung tên Nguyễn Trúc L, sinh ngày 26/6/2011, hiện chị nuôi dưỡng. Sau ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Thành L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Kim N, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.***

Tại phiên tòa:

- Chị N: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh L: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thành L. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Nguyễn Trúc L, sinh ngày 26/6/2011 cho chị Ngô Kim N nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do Chị N không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, anh L không có

ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành L là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L trong vụ án này.

Chị N có đủ điều kiện tham gia phiên tòa bằng hình thức trực tuyến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trực tuyến.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Ngô Kim N và anh Nguyễn Thành L là hợp pháp, được UBND xã V, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51 cấp ngày 24/5/2011. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở mai mối nhưng có tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị N nguyên nhân là do chị và anh L hay bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2016 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đã ly thân từ đó đến nay.

Anh L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị N đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh L bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị N và anh L là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N xác định giữa chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Trúc L, sinh ngày 26/6/2011. Hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh L ly thân đến nay do chị N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Đồng thời, cháu Ly cũng có nguyện vọng được sống chung với chị N khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Trúc L, sinh ngày 26/6/2011 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ngô Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ngô Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Nguyễn Trúc L, sinh ngày 26/6/2011 cho chị Ngô Kim N nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Ngô Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001089 ngày 09/02/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Ngô Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Thành L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

